



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2011**

*Quy Nhơn, tháng 02 năm 2012*

# MỤC LỤC

LỜI NGỎ.....	
THÔNGIỆP CỦA LÃNH ĐẠO.....	

## **Phần I. Giới thiệu về PVFCCo Central**

I. Sứ mệnh và Tầm nhìn.....	
II. Những sự kiện quan trọng.....	
III. Quá trình phát triển.....	
IV. Định hướng phát triển.....	

## **Phần II : Báo cáo hoạt động năm 2011**

I. Báo cáo của Hội đồng quản trị.....	
II. Báo cáo của Ban Giám đốc.....	

## **Phần III: Tổ chức và nhân sự**

I. Cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty.....	
II. Tóm tắt lý lịch HĐQT, BKS, BĐH.....	
III. Thay đổi Giám đốc điều hành trong năm.....	
IV. Quyền lợi của Ban Điều hành trong năm.....	
V. Số lượng CBCNV và Cơ cấu nhân sự.....	
VI. Chính sách đối với người lao động.....	
VII. Thay đổi thành viên HĐQT, BGD, BKS và Kế toán trưởng.....	

## **Phần IV: Thông tin cổ đông và quản trị Công ty**

I. Hoạt động của HĐQT.....	
II. Hoạt động của BKS.....	
III. Thù lao và các khoản lợi ích khác của HĐQT, BKS.....	
IV. Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của HĐQT, BGD, BKS, KTT.....	

## **Phần V: Báo cáo Tài chính**

I. Báo cáo Tài chính.....	
II. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán.....	
III. Các công ty có liên quan.....	

## **Phần VI: Hoạt động xã hội, cộng đồng**

## LỜI NGỎ

Kính thưa Quý cổ đông và Nhà đầu tư.

Năm 2011, nền kinh tế thế giới có nhiều bất ổn và tiềm năng khủng hoảng tăng cao đã tác động không nhỏ tới tình hình kinh tế trong nước. Lạm phát vẫn còn ở mức cao, tăng trưởng kinh tế còn hạn chế. Đặc biệt sự biến động về tỷ giá ngoại tệ, lãi suất ngân hàng và chỉ số giá tiêu dùng làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.

Trong bối cảnh đó, giá cả thị trường phân bón thế giới liên tục có những biến động khó lường, tình trạng hàng giả, hàng nhái, hàng tiểu ngạch và những biến đổi của khí hậu, thiên tai là những vấn đề khó khăn gây ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung (PVFCCo Central) là một đơn vị thành viên của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí, thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, có nhiệm vụ kinh doanh, phân phối phân bón và hóa chất tại khu vực 11 tỉnh Miền Trung- Tây Nguyên, từ Quảng trị đến Khánh Hòa và 3 tỉnh ĐakLak, Gia Lai, Kon Tum cũng chịu tác động từ tình hình chung này.

Năm 2011 cũng là năm bước ngoặt, đánh dấu sự trưởng thành và phát triển của PVFCCo Central. Thực hiện chủ trương của Nhà nước, Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, và chỉ đạo, hướng dẫn của Tổng Công ty; Nhằm công khai, minh bạch và tăng tính tự chủ, Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung đã tiến hành chuyển đổi sang mô hình hoạt động công ty cổ phần kể từ ngày 01/01/2011.

Được sự hỗ trợ và quan tâm chỉ đạo sát sao của Tổng Công ty, sự ủng hộ, hợp tác của các đối tác, khách hàng, sự tin tưởng của Cổ đông, các Nhà Đầu tư, cùng với sự nỗ lực, quyết tâm cao của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc cũng như toàn thể Cán bộ nhân viên, PVFCCo Central đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận.

Thông qua Báo cáo Thường niên này, PVFCCo Central xin gửi đến Quý cổ đông những hoạt động và kết quả mà Công ty đã đạt được trong năm 2011.

## THÔNGIỆP CỦA LÃNH ĐẠO

Kính thưa Quý cổ đông, Quý khách hàng, Quý đối tác, Quý Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí và cùng toàn thể cán bộ nhân viên,

Năm 2011, mặc dù tình hình kinh tế trong nước còn gặp nhiều khó khăn nhưng Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung đã hoàn thành các chỉ tiêu cơ bản của Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2011 giao cho Công ty. Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch doanh thu và lợi nhuận, nộp NSNN đầy đủ và làm tròn trách nhiệm đối với cổ đông. Cụ thể doanh thu của Công ty đạt 2.204 tỷ đồng đạt 132% kế hoạch, tăng 54% so với năm 2010; lợi nhuận trước thuế đạt gần 42 tỷ đồng đạt 104% kế hoạch, tăng 49% so với năm 2010, nộp ngân sách nhà nước 18,19 tỷ đồng đạt 130% kế hoạch, tăng 2% so với năm 2010. Bên cạnh đó, Công ty tích cực tham gia các hoạt động xã hội và cộng đồng góp phần nâng cao uy tín của Công ty nói riêng và Tổng Công ty nói chung. Nhờ đó, thương hiệu sản phẩm “Đạm Phú Mỹ” tại khu vực ngày càng được khẳng định tạo nên lợi thế cạnh tranh mạnh mẽ trên thị trường, đồng thời tạo thuận lợi để Công ty phát triển ổn định và là bước đệm vững chắc trong tương lai. Ngoài ra, việc Công ty chăm lo đời sống, nâng cao mức thu nhập của CBNV, duy trì và phát triển hoạt động đoàn thể đã góp phần không nhỏ vào kết quả chung của Công ty.

Năm 2012 được dự báo vẫn sẽ là một năm tiếp tục khó khăn đối với nền kinh tế nói chung và thị trường phân bón nói riêng. Đây là năm mà thị trường phân bón đang chuyển dịch từ trạng thái “cung không đủ cầu” sang “cung vượt cầu” và theo lộ trình gia nhập WTO, các công ty nước ngoài sẽ được phép triển khai hệ thống phân phối phân bón tại Việt Nam, do vậy mức độ cạnh tranh trên thị trường này sẽ rất khốc liệt. Nhưng Công ty tin tưởng rằng, Ban Lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên sát cánh cùng Hội đồng Quản trị với sự hỗ trợ hiệu quả từ Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí, PVFCCo Central sẽ vượt qua thử thách, hoàn thành mục tiêu năm 2012: doanh thu đạt 2.339,41 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 30,35 tỷ đồng – đây cũng là cam kết của Ban Lãnh đạo Công ty với Quý cổ đông.

Hội đồng Quản trị Công ty xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Quý Cổ đông, Quý đối tác, khách hàng, các cơ quan quản lý Nhà nước, đặc biệt là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí vì sự tin tưởng, quan tâm, hỗ trợ và ủng hộ mạnh mẽ trong năm qua đã giúp cho Công ty hoàn thành các nhiệm vụ và khẳng định vị thế ngày một phát triển bền vững.

Kính chúc Quý vị luôn mạnh khỏe và thành công!

# PHẦN I

## GIỚI THIỆU CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

### I. SỨ MỆNH VÀ TẦM NHÌN

#### **Tầm nhìn đến 2025:**

PVFCCo Central phấn đấu trở thành doanh nghiệp kinh doanh và phân phối phân bón hạng nhất trong khu vực Miền Trung - Tây Nguyên, hàng đầu tại Việt Nam.

#### **Sứ mệnh:**

Kinh doanh và phân phối các sản phẩm phân bón có chất lượng, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, ổn định, kịp thời phục vụ khách hàng;

### II. NHỮNG SỰ KIỆN QUAN TRỌNG

#### 1. Việc thành lập:

- Ngày 14/01/2005, Hội đồng quản trị Tổng công ty Dầu khí Việt Nam có Quyết định số 078/QĐ-HĐQT thành lập Chi nhánh Công ty Phân Đạm và Hóa chất Dầu khí tại Miền Trung và Tây Nguyên. Với mục đích tổ chức thực hiện kinh doanh, phát triển thị trường bán buôn, bán lẻ sản phẩm phân đạm và hóa chất dầu khí tại khu vực Miền Trung và Tây Nguyên, Chi nhánh là đơn vị hạch toán phụ thuộc và được đặt tại Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
- Ngày 22/8/2005 Hội đồng quản trị Tổng công ty Dầu khí Việt Nam đã ra quyết định số 2313/QĐ-HĐQT để chuyển đổi trụ sở của Chi nhánh Công ty Phân Đạm và Hóa chất Dầu khí tại Miền Trung và Tây Nguyên từ thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa đến thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Ngày 19/09/2007, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí có quyết định số 018/QĐ-HĐQT thành lập Chi nhánh Công ty cổ phần Phân Đạm và Hóa chất Dầu khí tại Miền Trung và Tây Nguyên.
- Ngày 27/12/2007, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phân Đạm và Hóa chất Dầu khí (nay là Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP) đã có quyết định số 081/QĐ-HĐQT đổi tên Chi nhánh Công ty cổ phần Phân Đạm và Hóa chất Dầu khí tại Miền Trung và Tây Nguyên thành Xí nghiệp kinh doanh Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung và Tây Nguyên trực thuộc Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 3513000168 đăng ký lần đầu ngày 2/10/2007, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 18/1/2008 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Định cấp.
- Ngày 07/08/2008, Hội đồng quản trị Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP có Quyết định 116/QĐ-HĐQT về việc thành lập Công ty TNHH Một thành viên Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH Một thành viên số 3504000294 đăng ký lần đầu ngày 15/08/2008, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 05/05/2009 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

- Sau khi hoàn tất các thủ tục pháp lý, Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung chính thức đi vào hoạt động kể từ ngày 01/09/2008.
- Ngày 24 tháng 12 năm 2010, Hội đồng quản trị Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP đã có Quyết định số 272/QĐ-HĐQT về việc chuyển đổi Công ty TNHH Một thành viên Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung thành Công ty cổ phần;
- Sau khi hoàn thiện các thủ tục pháp lý, ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4100733174 cho Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung.
- Kể từ ngày 01/01/2011 đến nay, Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Quy định của Luật doanh nghiệp Việt Nam.

## **2. Quá trình đổi mới doanh nghiệp:**

Từ Công ty TNHH MTV do Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí nắm giữ 100% vốn điều lệ chuyển đổi thành Công ty cổ phần.

Thực hiện phương án chuyển đổi của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung (PVFCCo Central) đã được Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu Khí phê duyệt tại Nghị quyết số 262/NQ-PBHC ngày 22/12/2010, PVFCCo Central đã tiến hành thực hiện các thủ tục chuyển đổi từ công ty TNHH một thành viên sang công ty cổ phần và đã hoàn thành công tác chuyển đổi, PVFCCo Central chính thức hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/01/2011 với cơ cấu vốn và tài chính như sau:

- Thực hiện tăng vốn điều lệ từ 80 tỷ lên 100 tỷ.
- Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí góp 75 tỷ (*chiếm 75% cổ phần chi phối*).
- Hai cổ đông lớn là Công ty cổ phần Công nghiệp Hóa chất Đà Nẵng góp 5 tỷ (*chiếm 5% cổ phần*) và Công ty TNHH MTV Minh Tân góp 5 tỷ (*chiếm 5% cổ phần*).
- Các cổ đông nhỏ lẻ là CBNV Công ty và CBNV trong ngành góp 15 tỷ (*chiếm 15% cổ phần*).

Loại chứng khoán : Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu

## **3. Kế hoạch niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM (HOSE)**

- Về việc tiến hành các thủ tục niêm yết cổ phiếu lên sàn giao dịch chứng khoán: ngay sau khi tiến hành Đại hội đồng cổ đông lần đầu, Hội đồng quản trị Công ty đã thống nhất chủ trương sẽ niêm yết cổ phiếu của Công ty lên sàn TP.HCM ngay khi thời điểm thị trường thuận lợi.
- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban điều hành Công ty chuẩn bị hồ sơ niêm yết và hoàn thiện hồ sơ ngay khi có báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm 2011 và sẵn sàng niêm yết khi cần thiết.

### III. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

#### 1. Ngành nghề kinh doanh:

Theo quyết định thành lập và đăng ký kinh doanh số 4100733174 đăng ký lần đầu ngày 15/8/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 01/03/2011, ngành nghề kinh doanh của Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định ghi lại theo hệ thống mã ngành kinh tế quốc dân theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp gồm các ngành nghề chính như sau:

- Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (*trừ gỗ, tre, nứa*) và động vật sống;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (*dịch vụ tư vấn hỗ trợ sản xuất nông nghiệp*);
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Bán buôn hóa chất khác (*trừ loại sử dụng trong nông nghiệp*);
- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

#### 2. Tóm tắt về kết quả hoạt động:

Kể từ thời điểm thành lập Chi nhánh Công ty Phân Đạm và Hóa chất Dầu khí tại Miền Trung và Tây Nguyên đến thời điểm thành lập Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung, nhiệm vụ chủ yếu của Công ty là phân phối sản phẩm urê do Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu Khí giao đưa ra thị trường với thương hiệu “Đạm Phú Mỹ”. Ngoài ra Công ty còn được giao kinh doanh các sản phẩm phân bón và hóa chất khác như NPK, SA, lân, kali... Trong các năm qua Công ty đã thực hiện tốt nhiệm vụ phân phối, kinh doanh phân bón và hóa chất và đã đạt các mục tiêu với kết quả khả quan, đóng góp một phần quan trọng cho việc bình ổn giá thị trường phân bón khu vực Miền Trung – Tây Nguyên.

Năm 2011, Công ty đã phân phối và kinh doanh 259.672 tấn phân bón và hóa chất các loại phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, cây công nghiệp khu vực Miền Trung – Tây Nguyên. Hiện nay, thị phần phân đạm của Công ty tại khu vực Miền Trung – Tây Nguyên đạt trên 52%.

Trong năm 2012, ngoài lượng Urê và NPK Phú Mỹ, PVFCCo Central sẽ dự kiến sẽ phân phối 40.000 tấn Urê hạt đục do Nhà máy Đạm Cà Mau sản xuất. Nguồn cung này sẽ làm tăng làm tăng thị phần cung cấp phân bón của Công ty tại khu vực Miền Trung.

❖ Kết quả hoạt động năm 2011:

STT	Chi tiêu	ĐVT	2010	2011		Tỷ lệ %	
				KH	TH	2010	2011
A	B	C	1	2	3	4=3/1	5=3/2
<b>I</b>	<b>Sản lượng tiêu thụ</b>	<b>Tấn</b>	<b>251,918</b>	<b>264,500</b>	<b>259,672</b>	<b>103%</b>	<b>98%</b>
1	Hàng Tổng công ty cung cấp	Tấn	166,190	194,000	181,610	109%	94%
	- Ure Phú Mỹ	Tấn	<b>166,190</b>	<b>194,000</b>	<b>179,003</b>	<b>108%</b>	<b>92%</b>
	- NPK Phú Mỹ	Tấn			2,607		
2	Phân bón tự doanh	Tấn	<b>85,728</b>	<b>70,500</b>	<b>78,063</b>	<b>91%</b>	<b>111%</b>
<b>II</b>	<b>Doanh thu</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>1,430,511</b>	<b>1,671,260</b>	<b>2,202,976</b>	<b>154%</b>	<b>132%</b>
1	Hàng Tổng công ty cung cấp	Tr.đồng	964,561	1,273,610	1,529,094	159%	120%
	- Ure Phú Mỹ	Tr.đồng	964,561	1,273,610	1,501,375	156%	118%
	- NPK Phú Mỹ	Tr.đồng			27,720		
2	Phân bón tự doanh	Tr.đồng	439,864	366,390	638,657	145%	174%
3	Hóa chất	Tr.đồng	6,700	6,000	11,164	167%	186%
4	Dịch vụ	Tr.đồng	19,386	24,960	18,205	94%	73%
5	Lãi lỗ HĐTC + khác	Tr.đồng	-2,188	300	5,855		1952%
<b>III</b>	<b>Tổng chi phí</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>1,402,450</b>	<b>1,631,103</b>	<b>2,161,015</b>	<b>154%</b>	<b>132%</b>
<b>IV</b>	<b>Nộp ngân sách nhà nước</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>17,865</b>	<b>13,960</b>	<b>18,188</b>	<b>102%</b>	<b>130%</b>
<b>V</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế TNDN</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>28,061</b>	<b>40,157</b>	<b>41,961</b>	<b>149%</b>	<b>104%</b>
VI	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr.đồng	21,046	30,118	31,471	147%	104%
VII	Tỷ lệ chia cổ tức/VĐL	%		17	17		100%
VIII	Lao động	Người	37	55	48	129%	87%
IX	Thu nhập bình quân	Tr.đồng	17	23	24.00	144%	103%

#### IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

##### Nguyên tắc phát triển:

- Đổi mới - An toàn - Hiệu quả - Phát triển bền vững;
- Tập trung kinh doanh và phân phối các sản phẩm chủ lực của PVFCCo (Ure, NPK Phú Mỹ);
- Kiểm soát chặt chẽ quá trình kinh doanh và phân phối nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm đến người sử dụng, thực hiện đúng các cam kết với khách hàng;
- Hợp tác phát triển lâu dài với các đối tác.



### **Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

Đến năm 2015 Công ty Miền Trung phấn đấu thực hiện:

- Thị phần Ure đạt 70% (*tương đương 270-300 ngàn tấn/năm*), NPK cung cấp hơn 100 ngàn tấn/năm.
- Hệ thống phân phối (*11 tỉnh có các cửa hàng/ chi nhánh; 100% các huyện có cửa hàng ký trực tiếp với Đại lý/ Cửa hàng/ Chi nhánh Công ty*);
- Hoá chất: doanh số đến năm 2015 đảm bảo đạt 30 tỷ;
- Đội ngũ CBCNV hoạt động chuyên nghiệp, đặc biệt là lực lượng bán hàng (*80% có kiến thức vững về nông nghiệp*);
- Đảm bảo CBCNV có thu nhập cao, ổn định;
- Đảm bảo lợi ích cổ đông.

## PHẦN II

# BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2011

### I. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### 1. Tình hình chung năm 2011:

Năm 2011, tình hình kinh tế thế giới và trong nước có chuyển biến tích cực hơn so với 2010 nhưng vẫn còn không ít khó khăn do tác động của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu. Giá cả các mặt hàng thiết yếu tăng cao, giá khí đầu vào để sản xuất Ure tăng đột biến ảnh hưởng nhiều đến giá thành sản phẩm. Những diễn biến phức tạp và khó lường của sự biến đổi khí hậu đã tác động trực tiếp đến ngành nông nghiệp ảnh hưởng đến kế hoạch kinh doanh của các doanh nghiệp kinh doanh phân bón nói chung và của PVFCCo Central nói riêng.

Năm 2011 là năm đầu tiên Công ty chuyển đổi mô hình hoạt động từ Công ty TNHH MTV sang mô hình Công ty cổ phần với khó khăn thử thách mới và cũng là năm đầu tiên thực hiện chiến lược phát triển kinh doanh giai đoạn 2011-2015.

#### 2. Những nét nổi bật về kết quả hoạt động của Công ty:

Phát huy thuận lợi, nỗ lực vượt qua khó khăn, PVFCCo Central đã đạt được những kết quả hoạt động kinh doanh đáng khích lệ, các nhiệm vụ và chỉ tiêu chính đều hoàn thành và vượt mức kế hoạch được giao, cụ thể:

- Sản lượng phân bón kinh doanh: 259.673 tấn đạt 98% kế hoạch.
- Tổng doanh thu: 2.204 tỷ đồng đạt 132% kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế: 42 tỷ đồng đạt 104% kế hoạch.
- Nộp ngân sách Nhà nước 18,19 tỷ đồng đạt 130% kế hoạch.

#### 3. Những thay đổi chủ yếu trong năm:

- PVFCCo Central đã chuyển đổi mô hình hoạt động từ Công ty TNHH một thành viên thành Công ty cổ phần có sự tham gia vốn góp cổ phần từ nhiều đối tác như đại lý, khách hàng, nhà cung cấp trong lĩnh vực phân bón, hóa chất và thông qua đó tạo sự gắn kết với khách hàng cũng như chia sẻ rủi ro, tăng cường năng lực quản trị doanh nghiệp, tính công khai minh bạch.
- PVFCCo Central đã và đang củng cố, hoàn thiện hệ thống phân phối, thông qua sàng lọc và chuẩn hóa hệ thống các cửa hàng, đại lý, hoàn thiện các quy chế, quy trình, chính sách liên quan đến khâu phân phối, tăng cường khả năng kiểm soát và vận hành hệ thống đạt hiệu quả cao.
- Trong năm 2011, PVFCCo Central đã thành lập hai Chi nhánh mới tại Quảng Nam và Daklak với nhiệm vụ tăng cường hỗ trợ các Đại lý, cửa hàng tiêu thụ phân bón trong tỉnh. Đồng thời tăng cường khả năng dự trữ và đáp ứng nhu cầu hàng hóa của các đại lý, cửa hàng. Đây là một trong những mục tiêu chiến lược của Công ty đến năm 2015.

#### 4. Đánh giá về triển vọng và kế hoạch trong tương lai.

Công ty đã soạn thảo và sẽ trình “Chiến lược phát triển đến năm 2015 và định hướng đến năm 2025” để Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 thông qua. Theo đó, Công ty sẽ triển khai thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ đã đề ra.

Đối với lĩnh vực kinh doanh phân bón, hiện tại Công ty dưới sự chỉ đạo, quan tâm và hỗ trợ có hiệu quả từ Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí đã có được vị thế dẫn dắt thị trường phân Ure tại khu vực Miền Trung – Tây Nguyên. Năm 2012 trở đi thị trường sẽ có sự thay đổi theo hướng cung vượt cầu sau khi các dự án sản xuất ure mới như Nhà máy Đạm Cà Mau, Nhà máy Đạm Ninh Bình và các dự án tăng công suất đi vào hoạt động. Do đó, việc kinh doanh mặt hàng phân đạm tại khu vực Miền Trung – Tây Nguyên từ năm 2012 trở đi sẽ khó khăn hơn. Nhưng với những ưu thế vượt trội của Công ty là sản phẩm “Đạm Phú Mỹ” “NPK Phú Mỹ” đã có thương hiệu và uy tín trên thị trường trong nhiều năm, giá thành sản phẩm có sức cạnh tranh cùng với nguồn cung ứng phân Ure mới từ Nhà máy Đạm Cà Mau, thị phần phân đạm trong khu vực của Công ty sẽ được tăng trưởng đáng kể.

Ngoài nguồn cung ứng từ Tổng Công ty, PVFCCo Central cũng chủ động triển khai kinh doanh các mặt hàng phân bón và hóa chất nội địa khác nhằm đáp ứng nhu cầu của bà con nông dân đồng thời tăng sức cạnh tranh chiếm lĩnh thị trường khu vực Miền Trung – Tây Nguyên của Công ty.

Với những lợi thế có được, Công ty phấn đấu đến năm 2015 chiếm lĩnh trên 70% thị phần phân Ure đồng thời là doanh nghiệp dẫn dắt nhu cầu phân Ure tại khu vực Miền Trung – Tây Nguyên.

## II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2011

Phát huy thuận lợi, nỗ lực vượt qua khó khăn, PVFCCo Central đã đạt được những kết quả hoạt động SXKD đáng khích lệ, các nhiệm vụ, chỉ tiêu chính đều hoàn thành và vượt mức kế hoạch được giao, cụ thể:

- **Doanh thu:** Doanh thu đạt 2.204 tỷ đồng, đạt 132% KH năm, tăng 54% so với năm 2010.
- **Lợi nhuận trước thuế:** Lợi nhuận trước thuế đạt gần 42 tỷ đồng, đạt 104% KH năm, tăng 49% so với năm 2010.

Doanh thu năm 2011 của PVFCCo Central tăng nhiều so với kế hoạch năm 2011 và thực hiện năm 2010 chủ yếu do giá phân bón Thế giới và trong nước liên tục tăng cao, vượt so với giá bán trong kế hoạch năm 2011 .

## III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### 1. Báo cáo tình hình tài chính

#### 1.1 Phân tích các chỉ số quan trọng:

##### *Khả năng sinh lời*

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011
Lợi nhuận ròng/ Vốn CSH bình quân (ROE)	25%	29%
Lợi nhuận ròng/Tổng tài sản bình quân (ROA)	16%	16%

Tổng tài sản của PVFCCo Central trong năm 2011 tăng trưởng trên 27% so với năm 2010 nhưng chỉ số tỷ suất sinh lời của Tài sản ROA vẫn được duy trì ở mức trên 16% và tỷ suất sinh lời trên vốn CSH của PVFCCO Central vẫn ở mức cao là 29%, khả năng sinh lời trong năm 2011 của Công ty là tốt.

### **Khả năng thanh toán:**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>2010</b>	<b>2011</b>
Khả năng thanh toán hiện hành = Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn	1,34	1,55
Khả năng thanh toán nhanh = (Tài sản lưu động – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1,33	1,46

Khả năng thanh toán hiện hành và thanh toán nhanh trong năm 2011 của PVFCCo Central là tương đối tốt.

#### **1.2 Tỷ số hoạt động năm 2011:**

- Kỳ thu tiền bình quân trong năm 2011 là 4,19 ngày cho thấy tình hình các khoản phải thu của PVFCCoCentral vẫn duy trì ở mức thu hồi tốt.
- Vòng quay hàng tồn kho trong năm là 7,96 ngày.
- Vốn chủ sở hữu chiếm đến 53,366% trong tổng nguồn vốn cho thấy tình hình tài chính tương đối tốt. Hiệu suất sử dụng vốn (*Doanh thu thuần/Vốn CSH*) là 21,97 lần..
- Nhìn chung, các chỉ số của PVFCCo Central trong năm 2011 là tốt, vẫn duy trì được sự ổn định và tăng trưởng trong bối cảnh tình hình kinh tế trong nước và thế giới rất khó khăn.

#### **1.3 Những thay đổi về vốn cổ đông:**

Trong năm 2011 PVFCCo Central không có thay đổi về vốn cổ đông. Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí chiếm 75% vốn điều lệ (tương đương với 75 tỷ đồng), các cổ đông khác chiếm 25% vốn điều lệ (tương đương với 25 tỷ đồng).

#### **1.4 Cổ tức:**

PVFCCo Central đã tạm ứng cổ tức với mức 1.000 đồng/ cổ phần (10% mệnh giá), với tổng số tiền là 10.000.000.000 đồng, trong đó tổng số tiền đã chi trả là 9.927.600.000 đồng.

Tổng mức cổ tức cổ đông nhận được từ kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài khóa 2011 sẽ do Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012 quyết định.

#### **1.5 Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2011:**

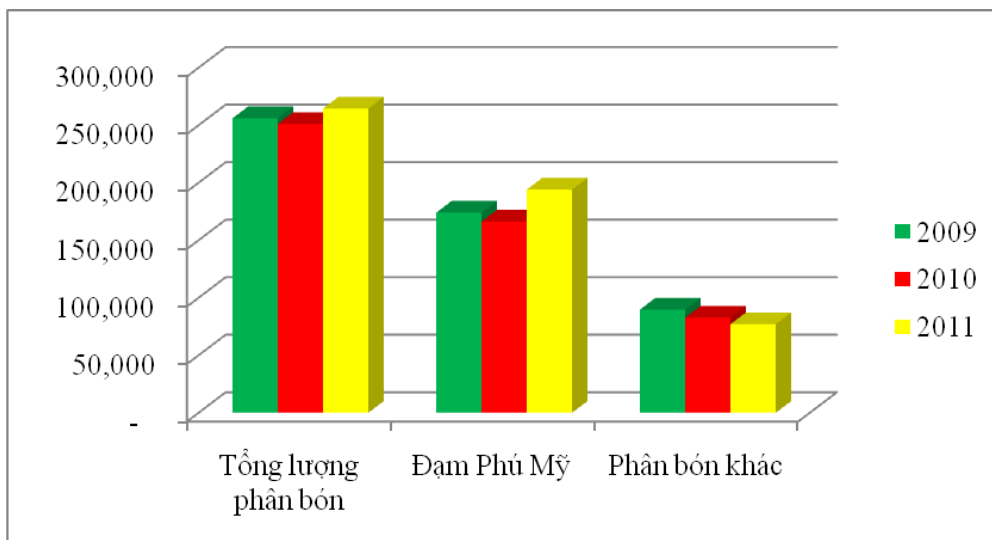
Theo báo cáo tài chính đã kiểm toán.

## **2. Kết quả kinh doanh 2011.**

### **❖ Kinh doanh phân bón.**

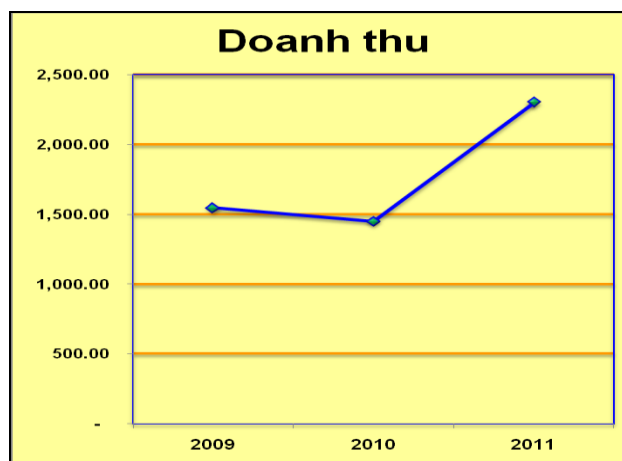
Năm 2011 là năm mà tình hình kinh tế gặp nhiều khó khăn, cũng là năm bản lề để chuyển trạng thái phân bón từ Cung không đủ Cầu thành Cung vượt Cầu. Đứng trước tình hình đó, PVFCCo Central đã nỗ lực phấn đấu và hoàn thành vượt mức kế hoạch. Cụ thể doanh thu Đạm Phú Mỹ đạt 118%, hàng tự doanh đạt 174%, hóa chất đạt 186%.

**Biểu đồ: Sản lượng Đạm Phú Mỹ PVFCCo Central cung ứng từ 2009 – 2011**



**Biểu đồ 2: Doanh thu và lợi nhuận của PVFCCo Central từ 2009 – 2011**

Đơn vị tính: Tỷ đồng



Để đạt được những kết quả trên, PVFCCo Central đã tận dụng những thuận lợi và khắc phục những khó khăn sau:

### ***Thuận lợi:***

- Tổng Công ty cung ứng hàng cho Công ty thành viên đầy đủ, nhanh chóng và kịp thời;
- Giá phân bón trong những tháng đầu năm 2011 tăng cao so với các năm trước;
- Sản phẩm Đạm Phú Mỹ có thương hiệu, uy tín, chất lượng, được bà con nông dân tin dùng;
- Giá nông sản trong những tháng đầu năm 2011 tăng cao, giúp bà con mạnh dạn đầu tư thâm canh nhằm tăng năng suất và phẩm chất của cây trồng do đó làm cho nhu cầu sử dụng phân bón tăng lên đáng kể.

### ***Khó khăn:***

- Diễn biến thời tiết bất thường, ảnh hưởng đến cơ cấu cây trồng mùa vụ, ảnh hưởng đến quá trình chăm sóc cây trồng của bà con nông dân làm cho nhu cầu phân bón chậm hơn so với mọi năm. Đặc biệt diễn biến tình hình mùa vụ bị ảnh hưởng của thời tiết vào tháng 11, 12/2012 nên nhu cầu phân bón giảm đáng kể.
- Sự xâm nhập của phân Đạm Trung Quốc (*tiểu ngạch*) chi phối một phần nhu cầu thị trường, ảnh hưởng đến tâm lý người nông dân, ảnh hưởng đến lượng hàng cung cấp ra thị trường trong những tháng cuối năm;
- Lãi suất ngân hàng cao, cùng với chính sách thắt chặt nguồn vốn trong những tháng cuối năm của các Ngân hàng ảnh hưởng tiêu cực đến khả năng thanh toán của các Đại lý/Cửa hàng.

### **❖ Hóa chất, xơ sợi.**

Đối với mặt hàng Hóa chất, mặc dù là lĩnh vực mới nhưng PVFCCo Central đã hoàn thành vượt mức kế hoạch doanh thu, từng bước nắm bắt được nhu cầu của thị trường và cung cấp những mặt hàng hóa chất quan trọng cho các đơn vị trong và ngoài ngành Dầu khí.

Trong năm 2011, PVFCCo Central mở rộng các ngành hàng trong đó đã nghiên cứu phương án tiêu thụ sản phẩm xơ sợi PV Tex – Đình Vũ, Hải Phòng.

### **❖ Phát triển Hệ thống phân phối (HTTP).**

Trong năm 2011, Công ty đã từng bước kiện toàn lại HTTP tại các tỉnh đặc biệt là hệ thống các cửa hàng cấp 2 và các cửa hàng bán lẻ, tập trung phát triển có chọn lọc các cửa hàng giao dịch thực tế và có mối quan hệ mật thiết với Công ty. Năm 2011 số cửa hàng cấp 2 của PVFCCo Central là 780 cửa hàng phân bố đều khắp 11 tỉnh thành trong khu vực, giúp cung cấp kịp thời hàng hóa theo nhu cầu của bà con nông dân.

## **3. Phương hướng hoạt động kinh doanh năm 2012.**

### **❖ Nguyên tắc phát triển.**

- Đổi mới - An toàn và hiệu quả - Tiết kiệm - Bền vững
- Tập trung kinh doanh và phân phối các sản phẩm chủ lực của PVFCCo (*Ure, NPK*).
- Kiểm soát chặt chẽ quá trình kinh doanh và phân phối nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm đến người sử dụng, thực hiện đúng các cam kết với khách hàng.
- Hợp tác phát triển lâu dài với các đối tác.

#### ❖ **Các mục tiêu chính năm 2012.**

Với chiến lược tiếp tục xây dựng nền tảng vững chắc để phát triển ổn định và bền vững, trở thành doanh nghiệp kinh doanh và phân phối phân bón hàng đầu khu vực Miền Trung - Tây nguyên, Công ty đã đề ra 05 mục tiêu phấn đấu như sau:

- Mục tiêu thứ nhất: Tiếp tục củng cố và xây dựng thương hiệu Đạm Phú Mỹ, NPK Phú Mỹ là thương hiệu uy tín hàng đầu thị trường;
- Mục tiêu thứ hai: Thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kế hoạch năm 2012.
- Mục tiêu thứ ba: Xây dựng và hoàn thiện hệ thống phân phối tới gần hơn với người tiêu dùng. Đầu tư hệ thống kho, cửa hàng theo chiều sâu đảm bảo tăng cường hiệu quả hoạt động kinh doanh;
- Mục tiêu thứ tư: Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Vốn điều lệ tối thiểu 30%;
- Mục tiêu thứ năm: Đảm bảo quyền lợi nhà đầu tư, cũng như lợi ích của người lao động. Phấn đấu tỷ lệ chia cổ tức năm 2012 là 14%

#### ❖ **Phát triển Hệ thống phân phối (HTPP).**

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống phân phối đảm bảo cung cấp hàng hóa ổn định, kịp thời đến với người nông dân.

Khẩn trương triển khai công tác đầu tư các kho thuộc dự án đã được phê duyệt trong thời gian sớm nhất. Quản lý, vận hành có hiệu quả và an toàn toàn bộ hệ thống kho bãi trên địa bàn nhằm chủ động trong công tác cung ứng phân bón trên thị trường.

#### ❖ **Xuất khẩu.**

PVFCO Central tiếp tục tìm hiểu và nghiên cứu phương án triển khai công tác xuất khẩu sang thị trường nước Cộng Hòa dân chủ nhân dân Lào trong tương lai.

### **4. Những kết quả Công ty đã đạt được.**

#### ❖ **Công tác Quản lý:**

- Kiện toàn tổ chức hoạt động, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy trình, quy định của Công ty. Tập trung chấn chỉnh công tác tổ chức và nâng cao năng lực quản lý tại các phòng ban, đơn vị;
- Sắp xếp nhân sự, luân chuyển cán bộ trong Công ty, đảm bảo đội ngũ cán bộ chủ chốt có đủ năng lực, phẩm chất điều hành một cách có hiệu quả. Khai thác tốt nhất năng lực hiện có của CBCNV thông qua công tác đào tạo, bố trí đúng người đúng việc, đồng thời tăng cường công tác tuyển dụng, thu hút cán bộ có năng lực từ bên ngoài;
- Triển khai “ Sổ tay văn hóa doanh nghiệp” sâu rộng đến toàn thể CBCNV;
- Không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV nhằm động viên khuyến khích người lao động hăng say trong công tác; đồng thời phát huy sự sáng tạo từ CBCNV, tạo sự đoàn kết gắn bó trong tập thể, từng bước đưa Công ty trở thành một doanh nghiệp chuyên nghiệp.

#### ❖ **Công tác Kinh doanh:**

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống logictis với phương châm “An toàn – kịp thời – Hiệu quả”;
- Nghiên cứu đa dạng hóa sản phẩm, tập trung vào các lĩnh vực kinh doanh phân bón và phát triển lĩnh vực hóa chất chuyên ngành;

- Tăng cường công tác dự báo, nghiên cứu, phân tích thị trường phân bón, hóa chất trong và ngoài nước để đưa ra các quyết định chính xác, kịp thời trong hoạt động kinh doanh.

❖ **Công tác Tài chính:**

- Tăng cường công tác quản lý tài chính thông qua hệ thống kiểm soát nội bộ. Chủ động tìm kiếm thu xếp cân đối vốn đầy đủ cho hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh;
- Thường xuyên theo dõi định mức hàng tồn kho, công nợ phải thu nhằm giảm thiểu các rủi ro trong kinh doanh;
- Rà soát, bổ sung và hoàn thiện các quy định về định mức để tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Thường xuyên kiểm tra giám sát việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong toàn Công ty trên cơ sở Chương trình hành động và các chỉ tiêu cụ thể.

❖ **Công tác Đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị:**

- Tập trung triển khai các dự án đã được phê duyệt; xem xét thứ tự ưu tiên thực hiện dự án đảm bảo sử dụng nguồn vốn có hiệu quả nhất;
- Thực hiện mua sắm thông qua đấu thầu phù hợp theo quy định của pháp luật, quy trình mua sắm nội bộ nhằm tăng tính cạnh tranh và tiết kiệm chi phí cho Công ty;
- Đánh giá hiệu quả hoạt động của các dự án đã triển khai.

❖ **Các công tác khác:**

- Tăng cường sử dụng các dịch vụ trong ngành phục vụ cho các hoạt động SXKD của Công ty;
- Hoàn thành việc triển khai và áp dụng phần mềm quản lý nguồn lực doanh nghiệp (ERP) đến các phòng ban, chi nhánh trực thuộc Công ty;
- Liên kết các Viện, trường Đại học về nông học để có chương trình hỗ trợ, hướng dẫn người tiêu dùng và bà con nông dân trong việc sử dụng phân bón có hiệu quả nhất;
- Xây dựng kế hoạch, tích cực tham gia hoạt động cộng đồng và công tác ASXH.

**5. Kế hoạch phát triển trong tương lai.**

❖ **Tập trung vào vùng/ khách hàng trọng điểm:**

- Ngoài nhiệm vụ bao phủ thị trường của 11 tỉnh Miền Trung Tây Nguyên, PVFCCo Central sẽ lựa chọn, tập trung giữ vững những thị trường/ cây trồng điểm thông qua xây dựng mạng lưới phân phối hiệu quả (bao gồm Chi nhánh/ Kho trực thuộc Công ty, các Đại lý/Cửa hàng và Cửa hàng cấp 2, hệ thống kho bãi); bám sát, thấu hiểu nhu cầu, phục vụ kịp thời cho mùa vụ và đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty an toàn, tiết kiệm, hiệu quả;
- Các chương trình marketing, giải pháp cạnh tác... cũng như hàng hóa sẽ ưu tiên triển khai cho các vùng trọng điểm;

❖ **Đúng cam kết:**

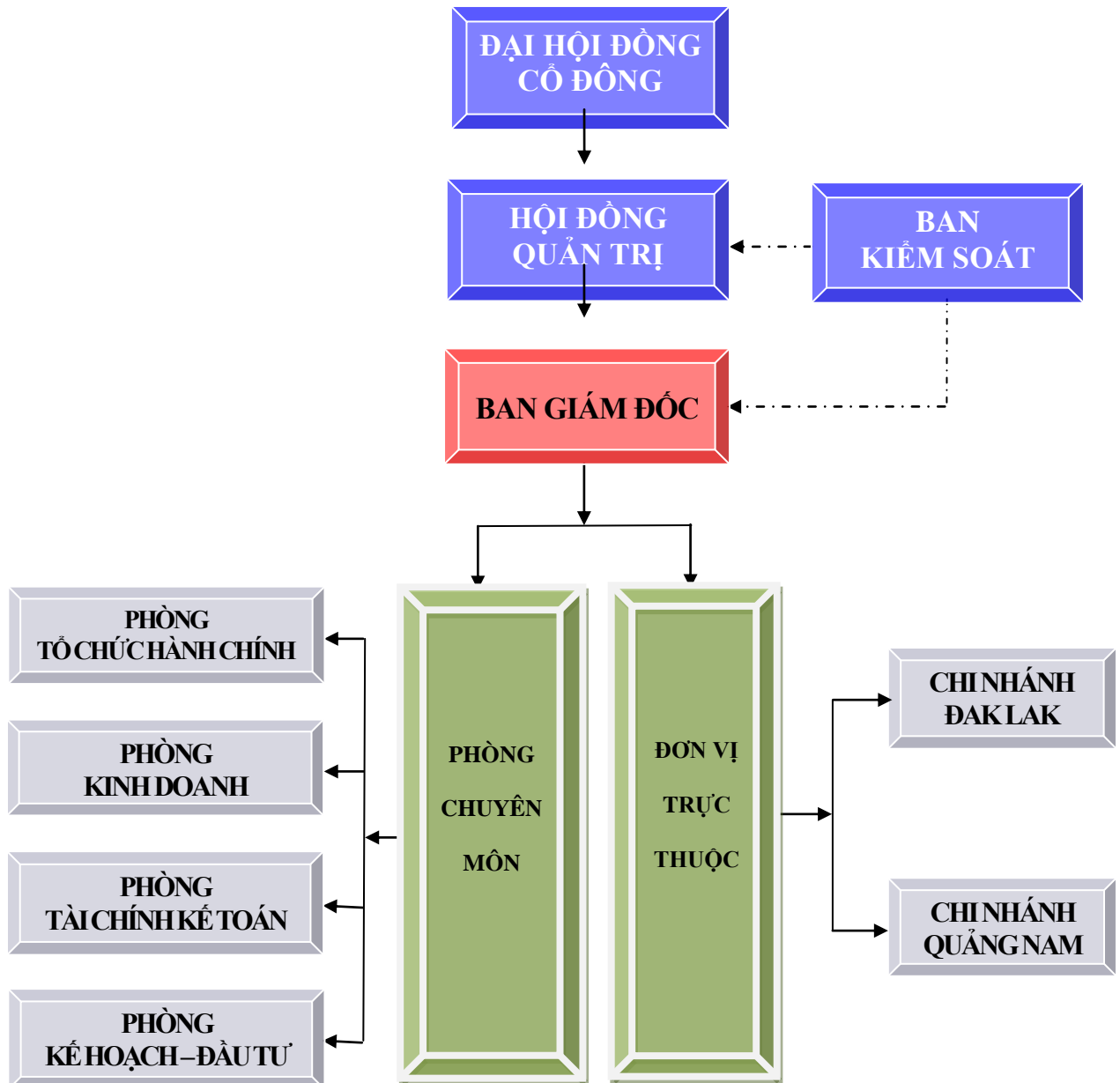
- Tất cả cam kết với khách hàng (về số lượng, chất lượng, nguồn hàng, xuất xứ hàng hóa...) cũng như cam kết với các cổ đông sẽ được hoạch định và thực hiện;



- Gắn các chương trình an sinh xã hội với việc giữ vững và phát triển thị trường;
- ❖ **Phát triển hệ thống phân phối hiệu quả, bền vững:** nhanh chóng, kịp thời và ổn định; bao phủ được vùng/ huyện quan trọng; có hệ thống thông tin 2 chiều, dự báo được thị trường, có kế hoạch tiêu thụ sát thực tế; chi phí trong kênh hợp lý; đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các thành viên trong kênh; kết hợp chặt chẽ giữa hệ thống kho của TCT – của Công ty – của Đại lý/ Cửa hàng tạo thành mạng lưới kho phục vụ kịp thời nhu cầu người sử dụng.

# PHẦN IV TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## I. CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY CÔNG TY



## II. TÓM TẮT LÝ LỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN ĐIỀU HÀNH.

### ❖ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### 1. Ông Nguyễn Đức Hòa

Chức vụ: Ủy viên HĐQT

Năm sinh: 1956

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng.

#### 2. Ông Cao Trung Kiên

Ủy viên HĐQT (từ ngày 01/3/2011)

Năm sinh: 1976

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

#### 3. Ông Dương Trí Hội

Nguyên UV.HĐQT (từ 01/01/2011 đến 28/02/2011)

Năm sinh: 1978

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

#### 4. Ông Mai Minh Phương

Ủy viên HĐQT

Năm sinh: 1979

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

#### 5. Ông Lê Thanh Viên

Ủy viên HĐQT

Năm sinh: 1975

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

#### 6. Ông Nguyễn Hữu Luận

Ủy viên HĐQT

Năm sinh: 1977

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Nông nghiệp

### ❖ BAN KIỂM SOÁT

#### 1. Ông Nguyễn Văn Thường

Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh: 1961

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

#### 2. Bà Nguyễn Thị Hương Lan

Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 1975

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

#### 3. Ông Hoàng Trung Dũng

Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 1964

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

#### ❖ **BAN ĐIỀU HÀNH**

1. Ông **Cao Trung Kiên** Giám đốc kiêm Ủy viên HĐQT (từ ngày 01/3/2011)  
Năm sinh: 1976  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
2. Ông **Dương Trí Hội** Nguyên Giám đốc (từ 01/01/2011 đến 28/02/2011)  
Năm sinh: 1978  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
3. Ông **Mai Minh Phương** Phó Giám đốc  
Năm sinh: 1979  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
4. Ông **Lê Thanh Viên** Kế toán trưởng  
Năm sinh: 1975  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

#### **III. THAY ĐỔI GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM**

Ngày 23/02/2011, Hội đồng quản trị đã ra quyết định số 027/QĐ-CMT về việc bổ nhiệm Ông Cao Trung Kiên giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc thay Ông Dương Trí Hội Công ty kể từ ngày 01/03/2011.

#### **IV. QUYỀN LỢI CỦA BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM**

PVFCCo Central áp dụng chế độ lương cho Ban điều hành theo quy định của pháp luật, hài hòa với chính sách lương và quỹ lương hàng năm của Công ty, tương xứng với năng lực và kết quả công việc của từng thành viên. Chế độ thưởng và phúc lợi chung khác theo chính sách nhân viên và Thỏa ước lao động tập thể của Công ty. Tiền thưởng ban điều hành trích từ lợi nhuận sau thuế áp dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên về Quỹ thưởng ban quản lý, điều hành.

#### **V. SỐ LƯỢNG CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CƠ CẤU NHÂN SỰ**

- Tổng số CBCNV toàn Công ty tính đến thời điểm 31/12/2011 là 48 người.
- Trong đó có 14 lao động nữ, chiếm 29,16% tổng số lao động.
- Độ tuổi lao động trung bình là 34 tuổi.

##### **Phân loại theo trình độ:**

<b>Trình độ</b>	<b>Số lượng (người)</b>	<b>Tỷ lệ %</b>
Đại học và sau đại học	38	77,5%
Cao đẳng	04	8,2%
Trung học chuyên nghiệp	02	4,1%
Công nhân kỹ thuật	04	8,2%
Lao động phổ thông	01	2,0%
<b>Tổng cộng</b>	<b>49</b>	<b>100%</b>

### **Phân loại theo phân công lao động:**

<b>Chức danh</b>	<b>Số lượng (người)</b>	<b>Tỷ lệ %</b>
Cán bộ quản lý	13	26,5%
Chuyên môn nghiệp vụ và thừa hành phục vụ	32	65,3%
Công nhân, nhân viên trực tiếp sản xuất kinh doanh	04	8,2%
<b>Tổng cộng</b>	<b>49</b>	<b>100%</b>

## **VI. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG**

PVFCO Central đã xây dựng, ban hành và đưa vào áp dụng Thang, bảng lương mới phù hợp với mô hình công ty cổ phần, theo quy định của Bộ luật Lao động – Thương binh xã hội và Nghị định số 141/2007/NĐ-CP ngày 10/09/2007 của Chính phủ quy định về chế độ tiền lương đối với công ty mẹ do Nhà nước là chủ sở hữu và các công ty con thuộc các Tập đoàn kinh tế Nhà nước, hướng tới việc trả lương theo thị trường nhằm hạn chế hiện tượng chảy máu chất xám và thu hút lao động giỏi. Công ty thực hiện chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm tai nạn cho toàn thể người lao động ở mức khá cao.

PVFCO Central cũng đã hoàn thiện Thỏa ước lao động tập thể và Chính sách nhân viên bắt đầu áp dụng từ 26/3/2011, bao gồm các chính sách phúc lợi áp dụng cho toàn thể CBCNV và một số chính sách có tính đãi ngộ đối với những người lao động giỏi, có trình độ quản lý và chuyên môn cao, bao gồm: chế độ lương, thưởng, đào tạo, học tập, nghỉ ngơi, lưu trú và các chế độ phúc lợi khác.

## **VII. THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Căn cứ công văn số 52/PBHC-HĐQT ngày 22/02/2011 của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí, đơn vị sở hữu 75% cổ phần của Công ty về việc Giới thiệu Ông Cao Trung Kiên vào Hội đồng quản trị của Công ty thay cho Ông Dương Trí Hội, và công văn số 165/PBHC-TCNS&ĐT ngày 23/02/2011 về việc bổ nhiệm ông Cao Trung Kiên giữ chức Giám đốc Công ty thay cho Ông Dương Trí Hội, Công ty đã tiến hành các thủ tục cần thiết để bổ nhiệm Ông Cao Trung Kiên làm Giám đốc, Thành viên HĐQT Công ty kể từ ngày 01/03/2011.

Hội đồng quản trị sẽ trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn quyết định bổ nhiệm tại phiên họp thường niên năm 2012.

## **PHẦN V**

### **THÔNG TIN VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

#### **I. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Trong năm 2011, Hội đồng quản trị đã làm việc thông qua các phiên họp định kỳ và bất thường, quyết định những nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT được quy định tại Điều lệ Công ty. Cụ thể:

- Thông qua kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2011; phê duyệt điều chỉnh cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành Công ty, chỉ đạo kiện toàn bộ máy quản lý, điều hành tại các Chi nhánh.
- Thông qua chiến lược phát triển của Công ty giai đoạn 2011-2015, định hướng đến 2025.
- Ban hành/sửa đổi các quy chế quan trọng trong công tác quản trị Công ty.
- Về đầu tư xây dựng: thông qua việc tìm kiếm địa điểm đầu tư xây dựng kho tại các khu vực Quảng Trị, Quảng nam, Phú Yên và Đaklak.
- Quyết định chi tạm ứng cổ tức đợt 1: 10% mệnh giá cổ phiếu.
- Thực hiện các hoạt động giám sát, chỉ đạo khác cho Ban điều hành trong tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Các thành viên HĐQT tại Công ty gồm Chủ tịch HĐQT và 4 thành viên kiêm nhiệm đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban Điều hành thông qua các quy chế, chế độ báo cáo, các cuộc họp với Ban điều hành có sự tham dự của HĐQT.

HĐQT đã hướng tới các chuẩn mực quản trị công ty cổ phần, đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định của pháp luật. Việc giám sát, đôn đốc, kiểm tra của HĐQT đã giúp Ban điều hành tổ chức triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT kịp thời, hiệu quả giúp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được phát triển ổn định và vượt các chỉ tiêu kế hoạch.

#### **Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty:**

Ban hành và áp dụng các quy chế quản trị nội bộ, quy chế tài chính, quy chế phối hợp trong bộ máy điều hành, các quy chế khác, áp dụng các chuẩn mực quản trị doanh nghiệp tiên tiến, các bộ định mức, quy chế giám sát, kiểm soát nội bộ, các hệ thống quản lý chất lượng, quản lý an toàn, sức khỏe, môi trường, xây dựng và triển khai xây dựng hệ thống quản trị nguồn lực hiện đại (ERP). Đảm bảo bộ máy quản lý, điều hành, giám sát hoạt động chuyên nghiệp, trách nhiệm cao và có hiệu quả, cam kết mang lại lợi ích cho các nhà đầu tư, cổ đông và cộng đồng.

#### **II. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung do Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua ngày 30/12/2010 gồm 3 thành viên kiêm nhiệm với nhiệm kỳ 5 năm 2011-2015.

Ban Kiểm soát hoạt động theo quy định Luật doanh nghiệp, các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông thành lập công ty thông qua ngày 30/12 /2010. Qua 1 năm hoạt động, Ban kiểm soát xin báo cáo công việc như sau :

## 1. Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2011

Các hoạt động kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát được thực hiện theo kế hoạch với các nội dung chủ yếu: Kiểm tra giám sát việc thực thi Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) năm 2010, giám sát công tác quản lý, tổ chức điều hành của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty năm 2011. Tham gia các cuộc họp triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh. Kiểm soát việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty trong quá trình ra quyết định và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

Ban Kiểm soát đã hợp phân công nhiệm vụ cho từng thành viên, thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý, năm. Thẩm định báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và Báo cáo công tác quản lý hàng tháng. Kết hợp cùng với Ban Kiểm toán nội bộ và các Ban chức năng của Tổng công ty (Công ty mẹ) thực hiện kiểm tra các mặt hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty.

## 2. Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ của Công ty

Thực hiện kế hoạch năm 2011 được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Biên bản Hội nghị cổ đông ngày 13/01/2011. Ngày 28/02/2011 có sự thay đổi nhân sự cấp cao (Giám đốc Công ty) và các thủ tục đã được thực hiện theo đúng quy định.

Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2011, HĐQT công ty đã quyết định tạm chi cổ tức đợt 1 năm 2011 là 10%/mệnh giá tương đương 1.000 đồng/cổ phần (Nghị quyết số 09/NQ-CMT ngày 18/07/2011).

Trong năm 2011, HĐQT công ty đã thông qua chiến lược phát triển của Công ty giai đoạn 2011- 2015, định hướng đến năm 2025.

### Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2011 như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH năm 2011	TH năm 2011	TH/KH
<b>1. Sản lượng tiêu thụ</b>				
- Ure Phú Mỹ	Tấn	194.000	179.002	92 %
- Hàng nhập khẩu, tự doanh và hóa chất	Tấn	70.500	81.132	115 %
<b>2. Các chỉ tiêu tài chính</b>				
- Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.690	2.197	130 %
- Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	40,16	41,96	104%
- Lợi nhuận sau thuế TN DN	Tỷ đồng	30,12	31,33	104%

## 3. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc Công ty

Ban Kiểm soát nhận thấy Báo cáo của Hội Đồng quản trị, Báo cáo của Giám Đốc Công ty đã phản ánh trung thực và đầy đủ về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011 của công ty. Hoạt động quản lý, điều hành của HĐQT và Ban GD bám sát nghị quyết và kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, mang lại lợi ích cho cổ đông. Quá trình ra quyết định của HĐQT và Ban GD đã tuân thủ Điều lệ hoạt động của Công ty, quy định pháp luật và phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty đã được HĐQT thông qua.

Trong quá trình thực hiện chức năng - nhiệm vụ theo luật định, Ban Kiểm soát nhận được sự hỗ trợ từ HĐQT, Ban GD và các phòng, đơn vị trực thuộc, được cung cấp tài liệu, số liệu và các bằng chứng của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và các thông tin cần thiết.

#### **4. Kiến nghị**

Năm đầu tiên hoạt động theo mô hình cổ phần với nhiều khó khăn, phức tạp, nhất là những tháng cuối năm 2011 khi Miền Trung vào mùa mưa bão, thời tiết thay đổi bất thường. Tuy nhiên, PVFCCo Central đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch năm 2011. Dù vậy, để đảm bảo sự tăng trưởng bền vững và thực hiện tốt chiến lược phát triển của công ty, Ban kiểm soát có một số kiến nghị sau:

- Tiếp tục rà soát, hoàn chỉnh hệ thống kiểm soát nội bộ, tái cấu trúc và hoàn thiện bộ máy tổ chức theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp và hiệu quả..
- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu và dự báo thị trường, nhằm xây dựng các chính sách bán hàng phù hợp thị trường.
- Đẩy nhanh tiến độ nghiên cứu, sản xuất sản phẩm mới nhằm tận dụng được các lợi thế cạnh tranh hiện có và phù hợp với chiến lược phát triển.
- Hoàn tất các thủ tục để niêm yết cổ phiếu trên sàn chứng khoán khi điều kiện cho phép.

#### **5. Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2012**

- Giám sát việc chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2012 và Điều lệ của Công ty.
- Giám sát việc quản lý, tổ chức điều hành hoạt động SXKD, quản lý tài chính và đầu tư của HĐQT, BGD.
- Thẩm định BCTC; các báo cáo quản lý, điều hành của HĐQT và GD.
- Giám sát, kiểm tra việc thực hiện các quy chế/quy định quản lý hiện hành.
- Thực hiện các công việc khác của Ban Kiểm soát theo quy định.

#### **6. Lựa chọn công ty kiểm toán BCTC năm 2012**

Xét năng lực và uy tín, Ban Kiểm soát Công ty kiến nghị ĐHCĐ lựa chọn **Công ty TNHH Deloitte Việt Nam** thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012 để phù hợp trong việc hợp nhất BCTC toàn ngành và Tổng công ty. Mức phí sẽ theo báo giá từng đợt kiểm toán theo yêu cầu của Công ty và Ban kiểm soát thẩm tra.

### **III. THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty đều là thành viên không chuyên trách, Công ty thực hiện chế độ thù lao công việc cho thành viên HĐQT và thành viên BKS không chuyên trách theo nội dung biên bản họp HĐQT Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung ngày 15/03/2011 và Nghị quyết số 46/NQ-PBHC ngày 16/02/2011 của HĐQT Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí.

Tiền thưởng trích từ lợi nhuận sau thuế áp dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên về Quỹ thưởng ban quản lý, điều hành.



**IV. TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN VÀ NHỮNG THAY ĐỔI TRONG TỶ LỆ NẪM GIỮ CỔ PHẦN CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN GIÁM ĐỐC/BAN KIỂM SOÁT/KẾ TOÁN TRƯỞNG**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu	
			Đại diện	Sở hữu cá nhân
	<b>Hội đồng quản trị</b>			
1	Nguyễn Đức Hòa	Chủ tịch HĐQT	4.000.000	20.000
2	Cao Trung Kiên	UV.HĐQT, Giám đốc	2.500.000	30.000
3	Mai Minh Phương	UV.HĐQT, Phó GD	1.000.000	70.000
4	Lê Thanh Viên	UV.HĐQT, KTT	0	20.000
5	Nguyễn Hữu Luận	UV.HĐQT	500.000	0
	<b>Ban Kiểm soát</b>			
6	Nguyễn Văn Thường	Trưởng ban	0	20.000
7	Nguyễn Thị Hương Lan	Thành viên	0	0
8	Hoàng Trung Dũng	Thành viên	500.000	0

**V. THÔNG TIN VỀ CÁC GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC/BAN KIỂM SOÁT/ KẾ TOÁN TRƯỞNG, CỔ ĐÔNG LỚN VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN:**

**1. Cổ đông trong nước**

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông trong nước:

Cổ đông	Số lượng	Số cổ phần	Tỷ lệ % trên tổng số cổ phần lưu hành
Pháp nhân	3	85.000.000	85%
Cá nhân	98	15.000.000	15%
<b>Cộng</b>	<b>101</b>	<b>100.000.000</b>	<b>100%</b>

- Thông tin chi tiết về cổ đông lớn trong nước:

<b>TT</b>	<b>Tên cổ đông và địa chỉ</b>	<b>Số lượng cổ phần nắm giữ</b>	<b>Tỷ lệ % trên tổng số cổ phần</b>
<b>1</b>	<b>Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP</b> Địa chỉ: 43 Mạc Đĩnh Chi, P.Đakao, Quận 1, TP.HCM.	<b>75.000.000</b>	<b>75%</b>
<b>2</b>	<b>Công ty CP Công nghiệp Hóa chất Đà Nẵng</b> Địa chỉ: 53 Lê Hồng Phong, TP.Đà Nẵng	<b>500.000</b>	<b>5%</b>
<b>3</b>	<b>Công ty TNHH MTV Minh Tân</b> Địa chỉ: 11 Lê Đại Hành, TP.Buôn Mê Thuột, Đaklak	<b>500.000</b>	<b>5%</b>

**2. Cổ đông nước ngoài:**

Công ty không có cổ đông nước ngoài

# PHẦN VI

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011

### I. BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất dầu khí Miền Trung (gọi tắt là "Công ty"). Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

---

**Trần Đình Nghi Hạ**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0288/KTV  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**  
Ngày 17 tháng 02 năm 2012  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

---

**Phạm Văn Tân**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số  
0401/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	<b>MẪU B 01-DN</b> Đơn vị: VND 31/12/2011
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>158.283.502.529</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>75.750.967.116</b>
1. Tiền	111		1.450.967.116
2. Các khoản tương đương tiền	112		74.300.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>72.722.367.623</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		48.242.284.655
2. Trả trước cho người bán	132		8.136.823.341
3. Các khoản phải thu khác	135	6	16.343.259.627
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>9.595.335.817</b>
1. Hàng tồn kho	141		9.595.335.817
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>214.831.973</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		210.725.034
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.106.939
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 220 + 260)	<b>200</b>		<b>60.655.496.537</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>53.377.620.996</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	39.859.542.869
- Nguyên giá	222		55.363.546.431
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.504.003.562)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	13.481.175.075
- Nguyên giá	228		13.539.002.668
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(57.827.593)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		36.903.052
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>7.277.875.541</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	7.274.875.541
2. Tài sản dài hạn khác	268		3.000.000
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>218.938.999.066</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	MẪU B 01-DN
			Đơn vị: VND 31/12/2011
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310 + 330)	<b>300</b>		<b>102.106.142.415</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>102.020.426.415</b>
1. Phải trả cho người bán	312		76.974.541.349
2. Người mua trả tiền trước	313		1.876.324.854
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	10.706.386.312
4. Phải trả người lao động	315		2.212.661.994
5. Chi phí phải trả	316	12	6.307.223.510
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		243.150.186
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.700.138.210
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>85.716.000</b>
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		85.716.000
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410)	<b>400</b>		<b>116.832.856.651</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>13</b>	<b>116.832.856.651</b>
1. Vốn điều lệ	411		100.000.000.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		23.366
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.699.358.744
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.132.905.829
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		9.000.568.712
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>218.938.999.066</b>

---

**Cao Trung Kiên****Giám đốc**

Ngày 17 tháng 02 năm 2012

---

**Lê Thanh Viên****Kế toán trưởng**

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**MẪU B 02-DN**

Đơn vị: VND

**2011**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>14</b>	<b>2.211.987.455.710</b>
2. Các khoản giảm trừ	02	14	14.867.163.230
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>14</b>	<b>2.197.120.292.480</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	14	2.126.497.796.242
<b>5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>70.622.496.238</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		5.777.893.743
7. Chi phí tài chính	22		2.076.506.360
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>2.076.506.360</i>
8. Chi phí bán hàng	24		14.305.262.006
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		18.135.314.332
<b>10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))</b>	<b>30</b>		<b>41.883.307.283</b>
11. Thu nhập khác	31		952.049.153
12. Chi phí khác	32		874.627.573
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>77.421.580</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>41.960.728.863</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	16	10.631.670.570
<b>16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>31.329.058.293</b>

**Cao Trung Kiên**

**Giám đốc**

Ngày 17 tháng 02 năm 2012

**Lê Thanh Viên**

**Kế toán trưởng**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**MẪU B 03-DN**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2011
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>41.960.728.863</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>		
Khấu hao tài sản cố định	02	5.669.768.326
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(5.777.893.743)
Chi phí lãi vay	06	2.076.506.360
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>43.929.109.806</b>
Giảm các khoản phải thu	09	18.242.870.422
(Tăng) hàng tồn kho	10	(8.824.839.892)
Tăng các khoản phải trả	11	11.547.410.854
Giảm chi phí trả trước	12	217.976.998
Tiền lãi vay đã trả	13	(2.076.506.360)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(14.439.157.433)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2.097.019.539
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.784.359.039)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>46.909.524.895</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(16.260.922.189)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.777.893.743
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(10.483.028.446)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	20.000.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	121.160.000.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(121.160.000.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.927.600.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>10.072.400.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>46.498.896.449</b>
<b>Tiền và tương đương tiền tăng do chuyển đổi</b>	<b>60</b>	<b>29.252.047.301</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	23.366
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>75.750.967.116</b>

**Cao Trung Kiên**  
Giám đốc  
Ngày 17 tháng 02 năm 2012

**Lê Thanh Viên**  
Kế toán trưởng

## **II. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **1. Thông tin khái quát**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung (“Công ty”), được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4100733174 ngày 31 tháng 12 năm 2010, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp. Công ty đã được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất dầu khí Miền Trung, thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 350400294 ngày 15 tháng 8 năm 2008, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp. Cổ đông chính của Công ty là Tổng Công ty phân bón và hóa chất dầu khí - Công ty cổ phần (“Tổng Công ty”).

Công ty có hai (2) Chi nhánh hạch toán phụ thuộc và hoạt động tại Đak Lak và Quảng Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 48 người.

#### **Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty bao gồm: Mua bán hàng nông, lâm sản; Mua bán các loại phân bón, các sản phẩm hóa chất; Dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất kinh doanh phân bón và các sản phẩm hóa chất có liên quan; kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô, đường thủy nội địa; Kinh doanh kho bãi.

### **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính và năm tài chính**

#### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

#### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Công ty được thành lập vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, tuy nhiên, chính thức bắt đầu hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 01 năm 2011. Đây là báo cáo tài chính đầu tiên của Công ty dưới hình thức Công ty Cổ phần.

### **3. Áp dụng hướng dẫn kế toán mới**

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 18.

### **4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu



Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác.

##### *Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả khách hàng, chi phí phải trả và phải trả khác.

#### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### **Dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua hàng hóa và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua hàng hóa, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số Năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 15
Máy móc thiết bị	6
Phương tiện vận tải	5 - 6
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính là chi phí thực tế phát sinh hoặc chi phí dự toán (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn, quyền sử dụng đất có thời hạn và phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn. Phần mềm máy tính và quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Phần mềm	3
Quyền sử dụng đất	33

### **Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động của Công ty thể hiện tiền thuê 20.000 m<sup>2</sup> đất tại Khu Công nghiệp Nhơn Bình. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

### **Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

### **Chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

### **Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại phải được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và

ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## 5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<b>31/12/2011</b>
	<b><u>VND</u></b>
Tiền mặt	162.466.021
Tiền gửi ngân hàng	1.288.501.095
Các khoản tương đương tiền	74.300.000.000
	<b><u>75.750.967.116</u></b>

Các khoản tương đương tiền phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại các Ngân hàng thương mại và Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu Khí Việt Nam - chi nhánh Quảng Ngãi với lãi suất từ 6% đến 14%/năm.

## 6. Các khoản phải thu khác

	<b>31/12/2011</b>
	<b><u>VND</u></b>
Chiết khấu mua hàng Quý 4/2011 phải thu Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần	6.249.231.572
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần	214.299.732
	9.839.703.682
Thuế giá trị gia tăng được hoàn theo Quyết định của Cục Thuế Tỉnh Bình Định	
Phải thu khác	40.024.641

## 7. Hàng tồn kho

	<b>31/12/2011</b>
	<b><u>VND</u></b>
Công cụ, dụng cụ	53.997.500
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	66.930.908
Hàng hóa	9.474.407.409
	<b><u>9.595.335.817</u></b>

## 8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc <u>VND</u>	Máy móc, thiết bị <u>VND</u>	Phương tiện vận tải <u>VND</u>	Thiết bị văn phòng <u>VND</u>	Tổng cộng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 1/1/2011	-	-	-	-	-
Tăng do chuyển đổi	43.023.760.953	-	898.899.091	1.354.038.034	45.276.698.078
Mua trong năm	-	474.940.500	62.972.727	772.351.250	1.310.264.477
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	8.257.571.666	25.648.821	47.130.242	446.233.147	8.776.583.876
Tại ngày 31/12/2011	<u>51.281.332.619</u>	<u>500.589.321</u>	<u>1.009.002.060</u>	<u>2.572.622.431</u>	<u>55.363.546.431</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 1/1/2011	-	-	-	-	-
Tăng do chuyển đổi	9.246.915.357	-	127.344.039	504.093.745	9.878.353.141
Khấu hao trong năm	4.820.601.283	54.662.823	169.006.161	581.380.154	5.625.650.421
Tại ngày 31/12/2011	<u>14.067.516.640</u>	<u>54.662.823</u>	<u>296.350.200</u>	<u>1.085.473.899</u>	<u>15.504.003.562</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2011	<u>37.213.815.979</u>	<u>445.926.498</u>	<u>712.651.860</u>	<u>1.487.148.532</u>	<u>39.859.542.869</u>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 311.452.048 đồng.

## 9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Phần mềm <u>VND</u>	Tổng cộng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 1/1/2011	-	-	-
Tăng do chuyển đổi	6.149.807.363	20.000.000	6.169.807.363
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	7.369.195.305	-	7.369.195.305
Tại ngày 31/12/2011	<u>13.519.002.668</u>	<u>20.000.000</u>	<u>13.539.002.668</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 1/1/2011	-	-	-
Tăng do chuyển đổi	-	13.709.688	13.709.688
Khấu hao trong năm	37.827.593	6.290.312	44.117.905
Tại ngày 31/12/2011	<u>37.827.593</u>	<u>20.000.000</u>	<u>57.827.593</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/12/2011	<u>13.481.175.075</u>	<u>-</u>	<u>13.481.175.075</u>

## 10. Chi phí trả trước dài hạn

	<b>31/12/2011</b>
	<b><u>VND</u></b>
Chi phí trả trước về thuê đất khu công nghiệp Nhơn Bình	6.098.597.197
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.176.278.344
	<b><u>7.274.875.541</u></b>

## 11. Thuế và các khoản nộp Nhà nước

	31/12/2011
	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	9.860.463.431
Thuế thu nhập doanh nghiệp	667.728.705
Thuế thu nhập cá nhân	178.194.176
	<u><b>10.706.386.312</b></u>

## 12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả thể hiện số tiền chiết khấu bán hàng phải trả cho khách hàng được tạm trích theo số lượng hàng bán trong Quý 4/2011, mức trích là 2% giá trị hàng mua.

## 13. Vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số dư tại 1/1/2011	-	-	-	-	-	-
Tăng do chuyển đổi	80.000.000.000	-	-	-	-	80.000.000.000
Tăng vốn trong năm	20.000.000.000	-	-	-	-	20.000.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	31.329.058.293	31.329.058.293
Trích lập quỹ (1)	-	-	4.699.358.744	3.132.905.829	(12.328.489.581)	(4.496.225.008)
Trả cổ tức (2)	-	-	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Tăng/(giảm) khác	-	23.366	-	-	-	23.366
Số dư tại 31/12/2011	<u>100.000.000.000</u>	<u>23.366</u>	<u>4.699.358.744</u>	<u>3.132.905.829</u>	<u>9.000.568.712</u>	<u>116.832.856.651</u>

(1): Số trích lập các quỹ trong kỳ bao gồm số tạm trích các quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính của Công ty với số tiền tương ứng 4.699.358.744 đồng và 3.132.905.829 đồng từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011 được Tổng Công ty thông qua quyết định số 248/QĐ ngày 02 tháng 8 năm 2011.

(2): Theo Nghị quyết số 09/NQ-CMT ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Hội đồng quản trị, Công ty đã tạm chi trả cổ tức cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 10.000.000.000 đồng (1.000 đồng/cổ phần), trong đó việc chi trả tạm ứng cổ tức đợt là 9.927.600.000 đồng (1.000 đồng/cổ phần) đã được thực hiện trong Quý 3 và 4/2011.

### Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ. Chi tiết như sau:

	Vốn điều lệ		Tai 31/12/2011	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí – Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”)	75.000.000.000	0	75.000.000.000	75%
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất	5.000.000.000	5%	5.000.000.000	5%
Công ty TNHH Minh Tân	5.000.000.000	5%	5.000.000.000	5%
Lê Thanh Viên (*)	5.000.000.000	5%	5.000.000.000	5%
Các cổ đông khác	10.000.000.000	10%	10.000.000.000	10%
	<u>100.000.000.0</u>	<u>100</u>	<u>100.000.000.000</u>	<u>100</u>

(\*) Đây là phần vốn góp do Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí – Công ty Cổ phần chuyển nhượng cho Ông Lê Thanh Viên theo hợp đồng chuyển nhượng vốn ngày 31 tháng 12 năm 2010 giữa Tổng Công ty và Ông Lê Thanh Viên.

#### 14. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh các loại phân bón và các sản phẩm hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày là liên quan đến hoạt động kinh doanh các loại phân bón và các sản phẩm hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp.

Doanh thu - Giá vốn trong năm theo từng loại hình kinh doanh của Công ty như sau:

	<b>2011</b> <b><u>VND</u></b>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	
Doanh thu phân bón	2.182.618.579.589
Doanh thu hóa chất	11.163.501.941
Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.205.374.180
	<b><u>2.211.987.455.710</u></b>
Chiết khấu thương mại	14.867.163.230
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b><u>2.197.120.292.480</u></b>
	<b>2011</b> <b><u>VND</u></b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	
Giá vốn phân bón	2.098.077.912.661
Giá vốn hóa chất	10.803.619.366
Giá vốn cung cấp dịch vụ	17.616.264.215
	<b><u>2.126.497.796.242</u></b>

Trong kỳ, sản phẩm hàng hóa của Công ty (bao gồm các loại phân bón và các sản phẩm hóa chất) chủ yếu được phân phối tại khu vực các tỉnh Miền Trung. Do đó Công ty không trình bày báo cáo tài chính theo khu vực địa lý.

#### 15. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<b>2011</b> <b><u>VND</u></b>
Chi phí nhân công	12.823.817.617
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.669.768.326
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.692.119.890
Chi phí khác	2.366.074.454
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>31.551.780.287</u></b>

## 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	2011 <u>VND</u>
Lợi nhuận trước thuế	41.960.728.863
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	565.953.416
Thu nhập chịu thuế	<u>42.526.682.279</u>
Thuế suất	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>10.631.670.570</u>

## 17. Cam kết thuê hoạt động

	2011 <u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	153.190.241
Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện: Tổng số tiền thuê 20.000 m <sup>2</sup> tại khu Công nghiệp Nhơn Bình với giá thuê 0,65 USD/m <sup>2</sup> /năm. Thời hạn phân bổ chi phí thuê đất là 42 năm tính từ năm 2010.	

## 18. Công cụ tài chính

### Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

### Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

### Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ 31/12/2011</u> <u>VND</u>
<b>Tài sản tài chính</b>	
Tiền và các khoản tương đương tiền	75.750.967.116
Phải thu khách hàng và phải thu khác	72.722.367.623
<b>Tổng cộng</b>	<b>148.473.334.739</b>
Phải trả khách hàng và phải trả khác	79.094.016.389
Chi phí phải trả	6.307.223.510
<b>Tổng cộng</b>	<b>85.401.239.899</b>



Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính: Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

### **Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

### **Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, do đó Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

### **Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

<b>31/12/2011</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1- 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Phải trả khách hàng và phải trả khác	79.094.016.389	-	79.094.016.389
Chi phí phải trả	6.307.223.510	-	6.307.223.510

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phát sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phát sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần

<b>31/12/2011</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1- 5 năm VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	75.750.967.116		75.750.967.116
Phải thu khách hàng và phải thu khác	72.722.367.623		72.722.367.623

## **19. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	<b>2011 VND</b>
<b>Bán hàng</b>	
Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ Phân bón và Hóa chất dầu khí	14.857.142.857
Công Ty Cổ Phần Hóa phẩm dầu khí DMC - Miền Trung	59.614.561.804
Công ty TNHH MTV Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Trung	25.117.071.423
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	4.588.622.259
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần	1.604.061.500
Tổng công ty Cổ Phần dịch vụ Tổng Hợp Dầu Khí- CN Miền Trung	6.966.666.674
<b>Cung cấp dịch vụ</b>	
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần	17.657.157.333
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất dầu khí Đông Nam Bộ	31.881.900
<b>Mua hàng</b>	
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần	1.501.701.373.585
Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ Phân bón và Hóa chất dầu khí	67.513.514.286
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất dầu khí Đông Nam Bộ	29.982.143.793
Chi nhánh Tổng Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh	181.200.548.303
Công Ty Cổ Phần Hóa phẩm dầu khí DMC - Miền Trung	5.770.000.000
<b>Mua tài sản</b>	
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà dầu khí Miền Nam	2.503.524.245

Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<b>2011 VND</b>
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	2.662.006.885

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

## **20. Số liệu so sánh**

Báo cáo tài chính lập cho kỳ hoạt động từ khi chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp ngày 1 tháng 1 năm 2011 (ngày chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp từ Công ty trách nhiệm hữu hạn sang công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2011. Theo thông tư 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp ngày 31 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành, tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu kế thừa từ doanh nghiệp cũ trước khi chuyển đổi được ghi nhận là số phát sinh của doanh nghiệp mới. Theo đó, báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 là báo cáo tài chính đầu tiên của Công ty dưới hình thức công ty cổ phần và do đó không có số liệu so sánh được trình bày.

---

**Cao Trung Kiên**

**Giám đốc**

Ngày 17 tháng 02 năm 2012

---

**Lê Thanh Viên**

**Kế toán trưởng**

## **PHẦN IV**

### **HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI, CỘNG ĐỒNG**

Với tỷ lệ người lao động trong độ tuổi thanh niên chiếm 57% tổng số lao động của Công ty, ngoài nhiệm vụ chuyên môn, tổ chức Đoàn thanh niên luôn tích cực tham gia các hoạt động đoàn thể do Tổng Công ty tổ chức cũng như tự triển khai các hoạt động văn nghệ, thể thao giao lưu với các tổ chức, đơn vị khách hàng, đối tác tại khu vực.

Hàng năm, tổ chức Đoàn thanh niên cũng triển khai thực hiện các công trình Thanh niên thiết thực và hiệu quả, điển hình như các công trình: Đoàn Thanh niên với công tác phòng chống bão lụt; chương trình hành động “Vì môi trường xanh – sạch – đẹp”. Những hoạt động đoàn thể giúp đời sống tinh thần của người lao động thêm phong phú, đồng thời phát triển mối quan hệ đoàn kết, gắn bó trong nội bộ Công ty cũng như giữa Công ty với đối tác, khách hàng tại khu vực.

Bên cạnh nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, PVFCCo Central còn triển khai tốt Chương trình hành động của Tổng Công ty và Công ty, thực hiện các giải pháp nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì mức tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội:

Thực hiện các chương trình xúc tiến bán hàng như: Triển khai chương trình “Vì đồng ruộng bền vững”; Tổ chức hội thảo “Hướng dẫn sử dụng phân bón”; Mô hình thực nghiệm trên 2 loại cây trồng là cây lúa và cà phê đối với 2 sản phẩm Urea Phú Mỹ và NPK Phú Mỹ tại các vùng trọng điểm; Tổ chức “ngày bán hàng trực tiếp” ...

Về công tác An sinh xã hội: Công ty trực tiếp triển khai nhiều chương trình thiết thực với tổng số tiền 294 triệu đồng, điển hình là chương trình Ủng hộ nông dân vùng lũ; chương trình Tặng quà học sinh nông thôn nghèo nhân dịp năm học mới; Ủng hộ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn.... Ngoài ra, Công ty còn phối hợp thực hiện các chương trình An sinh xã hội của Tổng Công ty với tổng số tiền gần 2,3 tỷ đồng.